

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HS-ST
Ngày: 10 – 12 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Phi H**

2. Ông **Sơn M**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn T** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt T** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 21/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS, ngày 18/10/2024 đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh ngày 01/01/1976, tại Thành phố Cần Thơ; Trú tại: Số A, P, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có vợ Thái Thị Phương H (chết); có 03 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/7/2024. Có mặt.

Nhân thân bị cáo:

- Ngày 28/8/1993 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại TP . xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, đến ngày 01/9/1995 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã xóa án tích).

- Ngày 28/6/2001 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại TP . xử phạt 11 năm tù về tội Cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân và tội trộm cắp tài

sản của công dân, đến ngày 01/9/2008 được đặc xá trở về địa phương (đã xóa án tích).

- Ngày 03/9/2014 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã xóa án tích).

- Ngày 18/9/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản đến ngày 05/8/2016 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã xóa án tích).

- Ngày 25/9/2017 bị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đến ngày 29/11/2018 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã xóa án tích).

Những người tham gia tố tụng khác:

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Hồ N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: A N, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện của bị cáo Võ Văn T: Chị Võ Ngọc T1, sinh năm 1997. (Con ruột bị cáo).

Địa chỉ: Số A P, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị hại: Ông Tào Anh C, sinh năm 1953. Địa chỉ: E, KV1, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tào Thị H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số E, KV1, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Tào A Cầu là người hành nghề chạy dịch vụ chạy xe mô tô chở khách (honda khách). Vào khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 04/7/2024 ông C đang điều khiển xe mô tô biển số 65E1-399.83 trên đoạn đường C thuộc quận N, thành phố Cần Thơ thì thấy Võ Văn T đang đeo ba lô đi bộ trên đường, ông C dừng xe lại hỏi thì T yêu cầu ông C chở đến khu N thuộc quận N, thành phố Cần Thơ để tìm bạn mượn tiền, sau đó T không tìm được bạn vì bạn T không có nhà. Do lúc này không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 65E1-399.83 của ông C.

T yêu cầu ông C chở T qua Khu hành chính thị xã B thuộc tổ A, Khóm E, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long để tìm cơ hội chiếm đoạt xe. Khi đến khu vực phía sau Khu hành chính thị xã B là nơi vắng người thì T kêu ông C dừng xe lại, T nói với ông C là “đợi người nhà ra trả tiền xe”. Trong lúc chờ, ông C nhờ T chỉ đường để về lại Cần Thơ thì T dẫn ông C rời khỏi xe và giả vờ chỉ đường giúp ông C. Sau đó, T đi qua khu đất trống cách chỗ đậu xe của ông C khoảng 30 mét (trên xe vẫn còn gắn chìa khóa trong ổ khóa xe) để giả vờ đi vệ sinh, thấy vậy ông C cũng đi theo hướng của T để đi vệ sinh. T lợi dụng lúc ông C đang đi vệ sinh

không chú ý đến xe mô tô nên liền đi quay lại chỗ đậu xe mô tô 65E1-399.83 để lấy trộm. T để túi xách của mình lên yên trước của xe rồi mở khóa, khởi động máy bỏ chạy đi trong lúc ông C đang còn đi vệ sinh không nhìn thấy (ông C quay người ngược hướng xe đậu để đi vệ sinh nên không thể nhìn thấy). Khi T chạy xe đi được một đoạn khoảng 20 mét thì ông C mới phát hiện và truy hô, nhưng T điều khiển xe bỏ chạy đi mất. Sau đó ông C đến Công an phường T, thị xã B trình báo sự việc.

Nhận được tin báo của ông C Công an phường T báo cáo về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trích xuất camera trên các tuyến đường đường và kết hợp với Công an xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp phát hiện Võ Văn T đang điều khiển mô tô biển số 65E1-399.83 trên đường thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên mời về cơ quan làm việc. Qua làm việc T thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm xe mô tô 65E1-399.83 của ông C.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số: 14/KL.ĐGTS ngày 09/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại xe Super Dreaan, màu nâu, biển số 65E1-399.83, có giá trị là 8.701.200 đồng.

Trong quá trình điều tra, T biểu hiện nghi có bệnh tâm thần nên Cơ quan điều tra trưng cầu giám định tâm thần đối với T. Căn cứ kết luận giám định pháp y Tâm thần số: 392/2024/KLGĐ ngày 30/9/2024 của Trung tâm P kết luận: tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 04/7/2024) và hiện tại bị cáo Võ Văn T hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Căn cứ Công văn số: 392.1/PYTNTNB ngày 30/9/2024 của Trung tâm P về việc giải thích kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp Võ Văn T về trách nhiệm hình sự tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 04/7/2024) và hiện tại bị cáo Võ Văn T có năng lực trách nhiệm hình sự.

* Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKSBM, ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh truy tố bị cáo Võ Văn T để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

* Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Võ Văn T** mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.
- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Tào Anh C đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại 01 xe mô tô biển số 65E1-399.83 và 01 mũ bảo hiểm kiểu nón sơn màu trắng lưỡi trai đen cho ông Tào Anh C.

- Trả lại cho bị cáo các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội:

+ 01 túi xách kích thước (50 x 30 x 25) cm, màu nâu có sọc vuông, phía trên có 02 quay xách loại 03 ngăn, phía trước có lô gô (nền đen có chữ K màu xanh dương, chữ S màu đỏ và dòng chữ KIDS SPORTS CLOTHING màu vàng).

+ 01 áo sơ mi dài tay màu trắng bên trong cổ áo có lô gô nền đen bên trong lô gô có chữ ALLAN;

+ 01 quần Jeans dài màu xanh trắng phần ống quần 02 bên tại vị trí đầu gối có kiểu rách kích thước 12 cm;

+ 01 mũ lưỡi trai màu đen, phần mũ bao quanh đầu phía trước màu nâu có hình 06 con vật.

- 02 đĩa DVD R ghi lại hình ảnh bị cáo T lấy trộm xe của bị hại Cầu và hỏi cung bị cáo lưu hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp số tiền 200.000 đồng.

* Bị cáo Võ Văn T trình bày: Bị cáo không yêu cầu phải có người bào chữa cho bị cáo, bị cáo tự bào chữa. Đối với việc phạm tội, do bị cáo không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Nay bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thành thật xin lỗi người bị hại, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Chị Võ Ngọc T1 trình bày: Chị không có ý kiến về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như không xin giảm nhẹ hay tăng hình phạt đối với bị cáo.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, thấy ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về và làm người hữu ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, nên việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Cơ sở xét xử vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Võ Văn T phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình.

Trong vụ án này, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm xe của bị hại với mục đích bán để kiếm tiền tiêu xài. Bản thân bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nhưng không lao động chân chính để tạo ra của cải vật chất cho bản thân, với bản chất thích hưởng thụ lười lao động, muốn chiếm hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, nên bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của bị hại mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với người cao tuổi là lấy tài sản của ông Tào A Cầu hơn 70 tuổi và bị cáo cũng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác như vậy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm chứng tỏ bị cáo đã xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác và thể

hiện sự xem thường pháp luật. Bị cáo đã từng có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, nhưng bị cáo không lấy đó để làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, khi phạm tội bị cáo có bệnh bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ tại h, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để áp dụng để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Do tài sản đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại 01 xe mô tô biển số 65E1-399.83 và 01 mũ bảo hiểm kiểu nón sơn màu trắng lưỡi trai đen cho ông Tào Anh C.

- Đối với các vật chứng: Do các vật chứng không phải là công cụ phương tiện phạm tội, mà là những đồ dùng cá nhân của bị cáo và bị cáo có yêu cầu xin nhận lại nên trả lại cho bị cáo gồm:

+ 01 túi xách kích thước (50 x 30 x 25) cm, màu nâu có sọc vuông, phía trên có 02 quay xách loại 03 ngăn, phía trước có lô gô (nền đen có chữ K màu xanh dương, chữ S màu đỏ và dòng chữ KIDS SPORTS CLOTHING màu vàng).

+ 01 áo sơ mi dài tay màu trắng bên trong cổ áo có lô gô nền đen bên trong lô gô có chữ ALLAN;

+ 01 quần Jeans dài màu xanh trắng phần ống quần 02 bên tại vị trí đầu gối có kiểu rách kích thước 12 cm;

+ 01 mũ lưỡi trai màu đen, phần mũ bao quanh đầu phía trước màu nâu có hình 06 con vật.

- Đối với 02 đĩa DVD R ghi lại hình ảnh bị cáo T lấy trộm xe của bị hại C và ghi lại hình ảnh lấy lời khai của bị cáo lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Xét đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 04/7/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không nghề nghiệp ổn định.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại 01 xe mô tô biển số 65E1-399.83 và 01 mũ bảo hiểm kiểu nón sơn màu trắng lưỡi trai đen cho ông Tào Anh C.

- Đối với các vật chứng: Trả lại cho bị cáo các vật chứng:

+ 01 túi xách kích thước (50 x 30 x 25) cm, màu nâu có sọc vuông, phía trên có 02 quay xách loại 03 ngăn, phía trước có lô gô (nền đen có chữ K màu xanh dương, chữ S màu đỏ và dòng chữ KIDS SPORTS CLOTHING màu vàng).

+ 01 áo sơ mi dài tay màu trắng bên trong cổ áo có lô gô nền đen bên trong lô gô có chữ ALLAN;

+ 01 quần Jeans dài màu xanh trắng phần ống quần 02 bên tại vị trí đầu gối có kiểu rách kích thước 12 cm;

+ 01 mũ lưỡi trai màu đen, phần mũ bao quanh đầu phía trước màu nâu có hình 06 con vật.

- Đối với 02 đĩa DVD R ghi lại hình ảnh bị cáo T lấy trộm xe của bị hại C và ghi lại cảnh hỏi cung bị cáo để lưu hồ sơ vụ án.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2024.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, các đương sự trong vụ án có mặt tại phiên toà biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- PHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- CATX Bình Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thị xã Bình Minh;
- THADS thị xã Bình Minh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo, các đ/s;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Khắc T